

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Lương, Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Phố C, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 24K1 trại giam B, xã B, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Bùi Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau ngày 30/6/2006, trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh T làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do năm

2011 anh T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Hiện nay anh T đang cải tạo tại Trại giam B, xã B, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02/01/2008. Hiện nay cháu H đang ở cùng với chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2018, anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M sau 02 năm tìm hiểu đã kết hôn với nhau năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng do anh bị phạt tù 08 (tám) năm 06 (sáu) nên vợ chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị M có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02/01/2008. Ly hôn anh đồng ý để chị M được nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Cho chị Bùi Thị M ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.
- Giao cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.
- Chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 24K1 trại giam B, xã B, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã có bản tự khai và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] *Về pháp luật áp dụng*: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình nên pháp luật áp dụng là Luật hôn nhân và gia đình và Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau ngày 30/6/2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng anh chị bình thường đến tháng năm 2011 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có hành vi vi phạm pháp luật và phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù nên tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị M và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị M và cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp.

- *Về nuôi con chung*: Chị M, anh Tú có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02/01/2008. Hiện nay cháu H đang ở với chị M. Xét nguyện vọng của anh T, chị M cùng đề nghị để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh T hiện đang cải tạo, chấp hành án phạt tù nên không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nên cần giao con chung cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp đề nghị của anh chị và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H.

- *Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị M, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Mai phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Bùi Thị M ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao chị Bùi Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 02/01/2008. Anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[3] *Về án phí*: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0004231 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên. Chị Bùi Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS TP Vĩnh yên;
- Các đương sự;
- UBND xã phường H;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mâu Văn Mùi